

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121616	1	NGUYỄN LÊ HỒNG ÂN	15/11/2005	Nữ	9/1	8.5	3.25	4.25	0	28.75
2	121621	1	ĐINH NGUYỄN HỒNG ANH	18/11/2005	Nữ	9/1	8.75	5.75	7.75	0	38.75
3	121626	1	LÊ PHẠM MỸ ANH	14/11/2005	Nữ	9/1	8.75	4	3.5	0	28.5
4	121657	3	LÊ LỮ BĂNG BĂNG	06/07/2005	Nữ	9/1	7.5	3.5	4.5	0	27.5
5	121685	4	TRẦN TUẤN ĐẠT	24/02/2005	Nam	9/1	7.75	3.5	8.25	0	35.5
6	121720	5	NGUYỄN MINH HÀO	03/09/2005	Nam	9/1	7.5	7.25	6.75	0	35.75
7	121744	6	THÁI QUANG HUY	02/08/2005	Nam	9/1	8.5	8.75	8.75	0	43.25
8	121746	6	TRẦN NGUYỄN TUẤN HUY	25/10/2005	Nam	9/1	6.25	3	2.5	0	20.5
9	121775	8	HOÀNG MINH KHÔI	12/10/2005	Nam	9/1	4.75	4.5	5.25	0	24.5
10	121792	8	PHAN ANH KIẾT	02/04/2005	Nam	9/1	7.75	3	7.25	0	33
11	121798	8	TRẦN LÊ QUỐC KỶ	16/02/2005	Nam	9/1	6.25	3	5.5	0	26.5
12	121812	9	HOÀNG ANH LONG	27/03/2005	Nam	9/1	6.5	7.5	6	0	32.5
13	121816	9	HUỲNH MINH LUÂN	03/09/2005	Nam	9/1	6.75	5.5	3.25	0	25.5
14	121837	10	TRẦN THỊ ÁI MỸ	22/07/2005	Nữ	9/1	8	3	3.5	0	26
15	121879	12	VÕ YẾN NGỌC	21/01/2005	Nữ	9/1	8.5	6.5	5.5	0	34.5
16	121903	13	NGUYỄN LÊ MINH NHẬT	02/11/2005	Nam	9/1	7.25	3.75	4.25	0	26.75
17	121939	14	NGUYỄN PHÚC TIẾN PHÁT	23/08/2005	Nam	9/1	4.75	5.25	5.5	0	25.75
18	121950	15	NGUYỄN ANH PHÚC	25/09/2005	Nam	9/1	7.25	9.5	7.5	0	39
19	121955	15	TRẦN NHƯ PHÚC	27/12/2005	Nữ	9/1	0	0	0	0	0
20	121984	16	KIỀU NGỌC QUYÊN	29/06/2005	Nữ	9/1	6.25	4.75	4.25	0	25.75
21	121996	17	KIM TRẦN NHẬT SANG	07/01/2005	Nam	9/1	6.25	4.75	3	0	23.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	121998	17	NGUYỄN TIẾN SANG	01/11/2005	Nam	9/1	5.75	4.75	0.75	0	17.75
23	121999	17	TRẦN THANH SANG	29/08/2005	Nam	9/1	8.25	3.75	6	0	32.25
24	122026	18	NGUYỄN QUỐC THÀNH	28/12/2004	Nam	9/1	6.5	7	6.5	0	33
25	122070	20	NGUYỄN THỊ MINH THÙY	25/10/2005	Nữ	9/1	6.75	3	2	0	20.5
26	122098	21	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	17/03/2005	Nam	9/1	8	6	6.25	1	35.5
27	122116	22	TRẦN THANH TRÚC	16/04/2005	Nữ	9/1	7.25	4	7.75	0	34
28	122122	22	PHẠM NGUYỄN TRƯỜNG	07/01/2005	Nam	9/1	6.5	7.75	3.5	0	27.75
29	122131	22	ĐÀM VĨNH TUẤN	09/11/2005	Nam	9/1	8	6.5	7.25	1	38
30	122149	23	NGUYỄN THỊ THANH UYÊN	20/07/2004	Nữ	9/1	7.25	3	5.75	0	29
31	122158	23	VŨ NGỌC TƯỜNG VÂN	10/05/2005	Nữ	9/1	7.5	4	3.5	0	26
32	122178	24	LÊ KHÁNH VY	04/05/2005	Nữ	9/1	7.5	6.75	7.75	0	37.25
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121610	1	NGUYỄN BÁ KỶ AN	02/10/2005	Nam	9/2	5.75	5.75	3.75	0	24.75
2	121627	1	LÊ TÚ ANH	19/11/2004	Nữ	9/2	6	4.5	3.25	0	23
3	121633	2	NGUYỄN HOÀNG ANH	04/02/2004	Nữ	9/2	6.75	3.75	1.5	0	20.25
4	121652	2	VŨ NGỌC VÂN ANH	03/11/2005	Nữ	9/2	8.25	5	4	0	29.5
5	121665	3	TẠ QUỐC BẢO	31/07/2005	Nam	9/2	7.75	5.5	8	0	37
6	121672	3	NGUYỄN HOÀNG TÂM ĐAN	28/12/2005	Nữ	9/2	7.5	5.5	2.5	0	25.5
7	121680	4	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	07/12/2005	Nam	9/2	7.75	4.75	4.25	0	28.75
8	121730	6	ĐINH NGỌC MINH HƯƠNG	29/07/2005	Nữ	9/2	8.5	3.25	2.5	0	25.25
9	121732	6	TRẦN QUỲNH HƯƠNG	24/08/2005	Nữ	9/2	8.5	8.25	7.5	0	40.25
10	121734	6	DƯ GIA HUY	19/01/2005	Nam	9/2	8.5	5.5	1.25	1	26
11	121750	6	NGUYỄN BÍCH HUYỀN	17/02/2005	Nữ	9/2	8.75	8.75	6	0	38.25
12	121754	7	TRẦN QUANG KHA	02/09/2005	Nam	9/2	6.75	5.75	3.5	0	26.25
13	121786	8	HUỶNH TUẤN KIẾT	11/06/2005	Nam	9/2	7.25	4.25	4.25	0	27.25
14	121809	9	NGUYỄN LÊ KHÁNH LINH	18/03/2005	Nữ	9/2	8.25	5.25	8.75	0	39.25
15	121818	9	THÁI GIA LUÂN	28/01/2005	Nam	9/2	6.5	2.25	1.25	1	18.75
16	121878	12	TRẦN THỊ HOÀNG NGỌC	05/02/2003	Nữ	9/2	5.5	4.75	3	0	21.75
17	121885	12	NGUYỄN TRẦN ANH NGUYỄN	17/10/2005	Nam	9/2	6.5	4	2.75	0	22.5
18	121896	13	CHU NGUYỄN THIỆN NHÂN	31/10/2005	Nam	9/2	8.25	5.75	4.25	0	30.75
19	121922	14	VÕ THỊ YẾN NHI	30/01/2005	Nữ	9/2	5.75	2.5	2	0	18
20	121960	15	TRẦN BẢO PHƯỚC	23/09/2005	Nam	9/2	8.5	5.75	4.75	0	32.25
21	121982	16	TRẦN THANH QUY	01/08/2005	Nam	9/2	7.25	3	2.75	0	23

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	121992	17	TRẦN VŨ NGỌC QUỲNH	02/09/2005	Nữ	9/2	7.75	7	7	0	36.5
23	121993	17	TRẦN VŨ TÚ QUỲNH	02/09/2005	Nữ	9/2	8.25	7	5	0	33.5
24	122008	17	NGUYỄN SONG HOÀNG TÂM	31/08/2005	Nữ	9/2	8.25	6.75	6.75	0	36.75
25	122017	18	VÕ TÁ MINH THẮNG	10/12/2005	Nam	9/2	8	1.75	4	0	25.75
26	122043	19	VI BẢO THOA	05/08/2005	Nữ	9/2	9	5.75	2.75	1	30.25
27	122058	19	NGUYỄN NHẬT HOÀNG THƯ	06/11/2005	Nữ	9/2	7.25	4	3	0	24.5
28	122081	20	TRẦN TÂN TIẾN	13/05/2005	Nam	9/2	7.75	9	8.5	0	41.5
29	122096	21	TRẦN NGỌC PHƯƠNG TRANG	21/05/2005	Nữ	9/2	8	4	3.5	1	28
30	122125	22	LÊ TUẤN TÚ	27/11/2004	Nam	9/2	5	1.75	0.75	0	13.25
31	122150	23	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	31/10/2005	Nữ	9/2	8.25	9.75	8.75	0	43.75
32	122154	23	NGUYỄN THỊ HOÀNG VÂN	06/02/2005	Nữ	9/2	6	4	1.25	0	18.5
33	122175	24	ĐOÀN HUỲNH TRÚC VY	26/04/2005	Nữ	9/2	8.5	7	5.25	0	34.5
34	122186	25	TẶNG KIỀU ÁI VY	30/04/2005	Nữ	9/2	7.25	2.25	2.75	0	22.25
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121622	1	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG ANH	22/01/2005	Nữ	9/3	8.25	5	5.5	0	32.5
2	121632	2	NGUYỄN HOÀNG ANH	01/12/2005	Nam	9/3	7.25	6	4.25	0	29
3	121662	3	NGUYỄN NGỌC THIÊN BẢO	21/11/2005	Nữ	9/3	7.75	7	8	0	38.5
4	121673	3	NGUYỄN THÀNH DANH	05/11/2005	Nam	9/3	6	3.75	2.5	0	20.75
5	121694	4	PHẠM KIẾN ĐỨC	01/01/2005	Nam	9/3	6.25	2	3.25	0	21
6	121697	4	NGUYỄN MẠNH DŨNG	25/02/2005	Nam	9/3	6.75	2.5	4.5	0	25
7	121715	5	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	20/02/2005	Nữ	9/3	7	2.25	2	0	20.25
8	121718	5	TRẦN PHÚC MINH HẠNH	29/10/2005	Nữ	9/3	7	9	4.5	0	32
9	121719	5	NGÔ DƯƠNG HÀO	22/07/2005	Nam	9/3	7.75	7	7	0	36.5
10	121721	5	MAI MỸ HẢO	21/09/2004	Nữ	9/3	7	2.25	6.5	0	29.25
11	121726	5	NGUYỄN HÀ HUY HOÀNG	02/02/2005	Nam	9/3	7	4.25	4	0	26.25
12	121763	7	TẠ HOÀNG PHÚC KHANG	26/08/2005	Nam	9/3	6.5	6.5	4.25	0	28
13	121765	7	VŨ HUY GIA KHANG	17/04/2005	Nam	9/3	7.5	9	8.75	0	41.5
14	121811	9	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	12/09/2005	Nam	9/3	6.75	5	3	0	24.5
15	121841	10	HUỲNH NGỌC NGÀ	01/12/2005	Nữ	9/3	8.75	7.75	6.25	1	38.75
16	121863	11	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	22/08/2005	Nam	9/3	6.5	5	1	0	20
17	121866	11	LÊ HOÀI BẢO NGỌC	08/04/2005	Nữ	9/3	6.5	4	2	0	21
18	121900	13	TRƯƠNG TRUNG NHÂN	16/04/2005	Nam	9/3	7.5	4.75	2	0	23.75
19	121919	14	TRẦN KHÁNH TUỆ NHI	26/02/2005	Nữ	9/3	6.25	3.75	3	0	22.25
20	121921	14	TRƯƠNG THẢO NHI	08/04/2005	Nữ	9/3	6.25	2.25	2	0	18.75
21	121923	14	CHÂU ĐẶNG TỔ NHƯ	06/04/2005	Nữ	9/3	7.5	5.75	4.5	0	29.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	121929	14	PHẠM KIM NHƯ	26/03/2005	Nữ	9/3	7	5.25	5	0	29.25
23	121938	14	LÊ ĐỖ GIA PHÁT	02/12/2005	Nam	9/3	7.5	6.75	6.25	0	34.25
24	121981	16	LÊ NGUYỄN THÀNH QUỐC	18/12/2005	Nam	9/3	4.25	6.25	4.5	0	23.75
25	122034	18	NGUYỄN THỊ HIẾU THẢO	22/12/2005	Nữ	9/3	5.5	7	2	0	22
26	122035	18	PHAN PHƯƠNG THẢO	16/08/2005	Nữ	9/3	7.5	7	7.25	0	36.5
27	122044	19	NGUYỄN THOẠI	26/03/2005	Nam	9/3	8.5	5.5	6	0	34.5
28	122047	19	ĐINH NGỌC ANH THƯ	16/06/2005	Nữ	9/3	7	7.75	6.75	0	35.25
29	122067	20	TRẦN LÊ MINH THUẬN	28/12/2005	Nam	9/3	7	1.75	3	0	21.75
30	122075	20	NGUYỄN HOÀNG MỸ TIÊN	04/06/2005	Nữ	9/3	8.25	8.75	8.25	0	41.75
31	122090	21	LÊ HUYỀN TRÂN	31/08/2005	Nữ	9/3	7.75	6.25	6.25	0	34.25
32	122102	21	NGUYỄN QUỐC TRÍ	17/06/2005	Nam	9/3	8	6.75	6	0	34.75
33	122130	22	TRẦN PHƯƠNG KHẢ TÚ	15/02/2005	Nữ	9/3	7	4.25	6	0	30.25
34	122168	24	NGUYỄN SƠN QUANG VŨ	15/03/2005	Nam	9/3	6	5.5	4.5	0	26.5
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121641	2	PHẠM KHÁNH ANH	29/11/2005	Nam	9/4	8.5	7.75	2.75	1	31.25
2	121667	3	LONG MỸ BÌNH	21/10/2005	Nữ	9/4	6.5	6.75	2	1	24.75
3	121682	4	THÔNG HÙNG ĐẠT	28/05/2005	Nam	9/4	6.75	6.25	8.75	1	38.25
4	121686	4	VĂN HỒNG ĐẠT	23/06/2005	Nam	9/4	7.5	5.75	5.5	0	31.75
5	121690	4	BÙI THỊ THIÊN DIỆU	18/03/2005	Nữ	9/4	6	6.5	7.75	0	34
6	121691	4	ĐOÀN THÀNH ĐỨC	29/03/2005	Nam	9/4	6.25	4	3	1	23.5
7	121702	4	NGUYỄN NGỌC DUY	19/02/2005	Nam	9/4	7	5.25	6.5	0	32.25
8	121711	5	CHÂU GIA HÂN	08/11/2005	Nữ	9/4	7	2.75	2.25	0	21.25
9	121713	5	HOÀNG GIA HÂN	08/12/2005	Nữ	9/4	6	4.25	4.5	0	25.25
10	121722	5	PHAN CHÂU NGỌC HẢO	06/08/2005	Nữ	9/4	7.25	3.5	3.75	0	25.5
11	121735	6	LA GIA HUY	25/09/2005	Nam	9/4	7.25	4.25	2.75	0	24.25
12	121738	6	NGUYỄN ĐỨC HUY	18/11/2005	Nam	9/4	6.5	5	2	0	22
13	121793	8	TRẦN ANH KIẾT	02/07/2005	Nam	9/4	7.25	8.25	2.75	0	28.25
14	121805	9	PHẠM HOÀNG LÂM	03/04/2005	Nam	9/4	6.5	6	7.5	0	34
15	121819	9	PHÙNG CÁT THẢO LY	09/08/2005	Nữ	9/4	8	6.25	4	0	30.25
16	121829	10	TRẦN XUÂN MINH	08/09/2005	Nam	9/4	7.25	7.75	8	0	38.25
17	121851	11	PHẠM NGỌC BẢO NGÂN	14/05/2005	Nữ	9/4	7	2.25	2	0	20.25
18	121869	11	NGUYỄN PHAN KIM NGỌC	11/10/2005	Nữ	9/4	7.5	2.75	4.25	0	26.25
19	121875	12	THÁI TRẦN BẢO NGỌC	11/02/2005	Nữ	9/4	8	5.25	5.25	1	32.75
20	121876	12	TRẦN BẢO NGỌC	16/05/2005	Nữ	9/4	6.5	3.25	2.75	0	21.75
21	121907	13	HỒ HUỲNH NGỌC NHI	15/06/2005	Nữ	9/4	7	3.25	2.75	0	22.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	121915	13	NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI	27/11/2005	Nữ	9/4	6.25	2.5	1.75	0	18.5
23	121940	14	LA NHẬT PHONG	04/03/2005	Nam	9/4	7.5	6.25	7.25	0	35.75
24	121968	16	PHẠM NGUYỄN UYÊN PHƯƠNG	01/10/2005	Nữ	9/4	6.5	7.75	2.75	0	26.25
25	121987	16	ĐINH LÝ CÁT QUỲNH	07/11/2005	Nữ	9/4	7.5	9	6.75	0	37.5
26	122020	18	NGUYỄN ĐỖ NGỌC THANH	24/02/2005	Nữ	9/4	7	6.5	7	1	35.5
27	122023	18	NGUYỄN LÊ GIA THÀNH	20/11/2005	Nam	9/4	6.75	3.5	2	0	21
28	122046	19	ĐẶNG NGUYỄN ANH THƯ	27/11/2005	Nữ	9/4	6.5	7.75	7	0	34.75
29	122053	19	NGUYỄN HUỲNH MINH THƯ	17/11/2005	Nữ	9/4	6.25	2	5	0	24.5
30	122064	20	LÂM QUỐC THUẬN	15/04/2005	Nam	9/4	7.5	6.25	5.75	1	33.75
31	122084	20	HUỲNH PHƯỚC TOÀN	27/10/2004	Nam	9/4	4.5	3.75	3.25	0	19.25
32	122099	21	NGUYỄN HIỀN TRÍ	02/10/2005	Nam	9/4	6.75	4	6.5	0	30.5
33	122141	23	PHÙNG CÁT TƯỜNG	21/06/2004	Nam	9/4	6.25	2.75	2.75	0	20.75
34	122153	23	NGUYỄN NGỌC THANH VÂN	01/10/2005	Nữ	9/4	7.5	7	2.25	0	26.5
35	122162	24	PHẠM HOÀNG VIỆT	02/05/2005	Nam	9/4	7.5	6.5	7.5	0	36.5
Tổng cộng có tất cả: 35 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121623	1	ĐOÀN QUỐC ANH	03/04/2005	Nam	9/5	8.5	4.5	4.5	0	30.5
2	121642	2	PHẠM NGUYỄN DUY ANH	01/07/2005	Nam	9/5	8	5	2.25	0	25.5
3	121712	5	DƯƠNG GIA HÂN	10/10/2005	Nữ	9/5	6.25	2.75	3.25	0	21.75
4	121723	5	CAO BÁ HIẾU	08/05/2005	Nam	9/5	7.75	3.75	3.75	0	26.75
5	121727	6	PHẠM PHÚC HUY HOÀNG	22/05/2004	Nam	9/5	7.75	2.75	7.25	0	32.75
6	121747	6	TRẦN QUANG HUY	09/05/2005	Nam	9/5	7.5	2.75	4	0	25.75
7	121753	7	HOÀNG MINH KHA	06/05/2005	Nam	9/5	8	4.25	3.5	0	27.25
8	121758	7	LỢI TRẦN TRỌNG KHANG	24/07/2005	Nam	9/5	6.5	5.25	2	1	23.25
9	121771	7	LÊ QUANG MINH KHOA	14/12/2005	Nam	9/5	7.75	6.25	7.25	0	36.25
10	121783	8	NGUYỄN TRẦN MINH KIÊN	08/04/2005	Nam	9/5	6.25	4.5	5.25	0	27.5
11	121836	10	HUỲNH NGỌC MỸ	14/07/2005	Nữ	9/5	9	9.75	7.5	0	42.75
12	121843	10	VŨ PHẠM THIÊN NGÀ	30/10/2005	Nữ	9/5	5.25	2.5	1.75	0	16.5
13	121845	10	HỨA NGỌC KIM NGÂN	11/10/2005	Nữ	9/5	8.5	9	7.25	0	40.5
14	121881	12	HO TRÍ NGUYỄN	02/12/2005	Nam	9/5	7.75	6	5	1	32.5
15	121883	12	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	13/08/2005	Nam	9/5	6.25	2.75	2.75	0	20.75
16	121897	13	CỔ ĐỨC TÀI NHÂN	22/01/2005	Nam	9/5	7.5	7.75	7.5	0	37.75
17	121930	14	PHẠM NGỌC QUỲNH NHƯ	14/09/2005	Nữ	9/5	6	2.75	7.25	0	29.25
18	121936	14	DƯƠNG HOÀNG PHÁT	09/09/2005	Nam	9/5	7.25	3.75	4	0	26.25
19	121942	14	TRƯƠNG VỸ PHONG	29/04/2005	Nam	9/5	7.75	4.5	4.75	1	30.5
20	121989	16	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	17/02/2005	Nữ	9/5	7	4.5	3.75	0	26
21	122006	17	NGUYỄN THÀNH TÀI	24/01/2005	Nam	9/5	8.25	6.25	6.5	0	35.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	122010	17	VÕ THÀNH TÂM	06/01/2005	Nam	9/5	7.5	3.5	6	0	30.5
23	122028	18	LÊ ĐÀM MAI THẢO	02/11/2005	Nữ	9/5	7.5	4	5	0	29
24	122036	18	TRỊNH NHƯ THẢO	04/01/2005	Nữ	9/5	8	4.25	7	0	34.25
25	122045	19	CHU MINH THƯ	11/07/2005	Nữ	9/5	7.5	5	7	0	34
26	122051	19	NGUYỄN ĐẶNG MINH THƯ	18/10/2005	Nữ	9/5	6.75	2	6.5	0	28.5
27	122115	22	TÔ VƯƠNG THANH TRÚC	24/01/2005	Nữ	9/5	7.75	2	3.25	0	24
28	122117	22	VÕ NGỌC TRÚC	29/03/2005	Nữ	9/5	7.5	3.5	6	0	30.5
29	122127	22	NGUYỄN HOÀNG MINH TÚ	10/02/2005	Nam	9/5	7	3.75	3.75	0	25.25
30	122134	22	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	15/06/2005	Nam	9/5	6.5	5.5	5.75	0	30
31	122159	24	DƯƠNG NGHI VĂN	26/04/2005	Nữ	9/5	5	3	2.75	0	18.5
32	122160	24	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG VI	09/10/2005	Nữ	9/5	8	7.25	5.5	0	34.25
33	122173	24	CHAP NGUYỄN PHƯƠNG VY	30/01/2005	Nữ	9/5	8.5	6.25	7.75	0	38.75
34	122183	25	NGUYỄN NGỌC VY	01/04/2005	Nữ	9/5	7	5.25	2.5	0	24.25
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121611	1	TRẦN NHẬT AN	05/09/2005	Nam	9/6	7.5	8.5	7	0	37.5
2	121619	1	CAO HOÀNG KỶ ANH	22/04/2005	Nữ	9/6	8.25	4.25	3.25	0	27.25
3	121677	3	DƯƠNG VĂN ĐẠT	04/02/2005	Nam	9/6	8.5	8.5	8.25	0	42
4	121700	4	TRẦN KIẾN ĐƯỜNG	20/12/2005	Nam	9/6	5.25	5	4.25	1	25
5	121769	7	ĐỖ CÔNG ĐĂNG KHOA	07/03/2005	Nam	9/6	7.5	6	7.5	0	36
6	121770	7	HUỲNH NGUYỄN ĐĂNG KHOA	28/07/2005	Nam	9/6	7.75	6	6	0	33.5
7	121780	8	HUỲNH KIM BẢO KHƯƠNG	12/08/2005	Nữ	9/6	7.25	6.5	7.75	0	36.5
8	121788	8	NGUYỄN HỮU ANH KIẾT	24/08/2005	Nam	9/6	5.25	3.25	3.75	0	21.25
9	121791	8	NGUYỄN TUẤN KIẾT	05/05/2005	Nam	9/6	7.25	3.25	4.75	0	27.25
10	121839	10	NGUYỄN NHẬT NAM	09/08/2005	Nam	9/6	7	6	5.75	0	31.5
11	121853	11	ĐIỀN GIA NGHI	29/05/2005	Nữ	9/6	8.25	4.25	2.5	1	26.75
12	121865	11	CAO KIM NGỌC	28/11/2005	Nữ	9/6	8.75	7.75	4.25	0	33.75
13	121917	13	PHẠM NGUYỄN YẾN NHI	16/10/2005	Nữ	9/6	8.25	6.5	7	0	37
14	121926	14	LÊ THỊ Ý NHƯ	07/01/2005	Nữ	9/6	7.75	5.75	1.75	0	24.75
15	121954	15	TRẦN HOÀNG PHÚC	25/03/2005	Nam	9/6	8.5	7.25	6.25	0	36.75
16	121972	16	NGUYỄN DƯƠNG MINH QUÂN	08/12/2005	Nam	9/6	7.5	5.75	4.5	0	29.75
17	121973	16	NGUYỄN MINH QUÂN	16/07/2005	Nam	9/6	6.75	3	2.25	0	21
18	122015	18	NGUYỄN QUANG THÁI	25/03/2005	Nam	9/6	7.5	4	3	0	25
19	122018	18	ĐẶNG NGỌC MINH THANH	09/12/2005	Nữ	9/6	7.25	4.5	5.25	0	29.5
20	122049	19	HỒ THIÊN THU	03/05/2005	Nữ	9/6	8	4.75	6	0	32.75
21	122082	20	ĐỖ THÀNH TÍN	01/02/2005	Nam	9/6	7	6	6	0	32

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	122108	21	LÊ NGỌC YẾN TRINH	21/10/2005	Nữ	9/6	7.25	4.5	1.75	0	22.5
23	122121	22	VŨ THÀNH TRUNG	25/01/2005	Nam	9/6	8	6	4.75	0	31.5
24	122135	23	PHÙNG ANH TUẤN	23/02/2005	Nam	9/6	6.75	4.5	3.5	0	25
25	122145	23	BÙI NGỌC TÚ UYÊN	20/01/2005	Nữ	9/6	8.25	7.25	3.75	0	31.25
26	122176	24	HOÀNG NGỌC THẢO VY	09/10/2005	Nữ	9/6	8.75	8.5	8.25	0	42.5
27	122187	25	TRẦN BẢO VY	20/03/2005	Nữ	9/6	6.25	2.75	1	0	17.25
Tổng cộng có tất cả: 27 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121614	1	HUỖNH MAI THIÊN ÂN	02/02/2005	Nam	9/7	7.75	6.75	8.75	0	39.75
2	121639	2	NGUYỄN TRÚC ANH	21/01/2005	Nữ	9/7	8.5	9.5	8.5	0	43.5
3	121659	3	ĐINH THIÊN BẢO	30/10/2005	Nam	9/7	7	7.25	6.5	0	34.25
4	121669	3	NGUYỄN KHÁNH BÌNH	16/10/2005	Nữ	9/7	7.5	9.25	7	0	38.25
5	121689	4	TRẦN MINH ĐIỆP	20/10/2005	Nữ	9/7	8	6.75	7.75	0	38.25
6	121729	6	NGUYỄN TUẦN HÙNG	15/04/2005	Nam	9/7	7.5	8.25	8	0	39.25
7	121748	6	TRẦN TƯỜNG HUY	14/07/2005	Nam	9/7	7	6	7.75	0	35.5
8	121760	7	NGUYỄN MINH KHANG	01/01/2005	Nam	9/7	7.75	7.25	8	0	38.75
9	121802	9	NGUYỄN NGỌC QUỲNH LAM	06/06/2005	Nữ	9/7	8.25	8	8.5	0	41.5
10	121806	9	QUÁCH NGỌC LÂM	18/10/2005	Nam	9/7	6.75	5.5	1.75	0	22.5
11	121814	9	NGUYỄN HUỖNH LONG	17/06/2005	Nam	9/7	8	6.25	7.25	1.5	38.25
12	121823	10	LÊ NGUYỄN ĐỨC MINH	11/03/2005	Nam	9/7	6.5	8	4.5	0	30
13	121855	11	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG NGHI	26/04/2005	Nữ	9/7	8.75	8.5	8.25	0	42.5
14	121860	11	TRẦN NGỌC PHƯƠNG NGHI	14/09/2005	Nữ	9/7	7.5	8	4	0	31
15	121861	11	ĐOÀN TRỌNG NGHĨA	02/01/2005	Nam	9/7	7.5	6.25	6.75	0	34.75
16	121890	12	VÕ PHÚC GIA NGUYỄN	26/04/2005	Nam	9/7	8	8.25	7.75	0	39.75
17	121901	13	ĐỖ TRẦN MINH NHẬT	17/02/2005	Nam	9/7	7.75	5.75	6	0	33.25
18	121906	13	DƯƠNG TUYẾT NHI	28/09/2005	Nữ	9/7	8	7	5.75	0	34.5
19	121908	13	HUỖNH LÊ KHÁNH NHI	28/05/2005	Nữ	9/7	7.25	8.25	7.25	0	37.25
20	121931	14	PHAN TRẦN TÂM NHƯ	05/11/2005	Nữ	9/7	7.75	8	8.5	0	40.5
21	121933	14	TRƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	12/10/2005	Nữ	9/7	7.5	7	4.5	0	31

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	121951	15	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	08/10/2005	Nam	9/7	8	8.25	8.75	0	41.75
23	121990	16	NGUYỄN TRÚC QUỲNH	27/10/2005	Nữ	9/7	7.75	8.75	7.25	0	38.75
24	122000	17	LÂM PHƯỚC SANH	29/09/2005	Nam	9/7	6	6.5	6.25	1	32
25	122027	18	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	07/05/2005	Nữ	9/7	7.5	4.5	4.5	0	28.5
26	122031	18	NGUYỄN NGỌC BÍCH THẢO	23/02/2005	Nữ	9/7	6.5	4.5	4.75	0	27
27	122041	19	NGUYỄN PHÚ THỊNH	10/09/2005	Nam	9/7	7.5	7.25	8.25	1	39.75
28	122061	19	NGUYỄN THỊ MINH THU	22/04/2005	Nữ	9/7	7.25	7	8	0	37.5
29	122110	21	NGUYỄN KHẮC TRÌNH	03/02/2005	Nam	9/7	6.5	8.75	8.25	0	38.25
30	122185	25	PHAN THANH VY	12/03/2005	Nữ	9/7	8	7.25	7	1	38.25
Tổng cộng có tất cả: 30 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121609	1	NGHIÊM XUÂN AN	20/10/2005	Nam	9/8	7.75	4.5	3.25	0	26.5
2	121634	2	NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH	30/01/2005	Nữ	9/8	6.25	2.5	1.5	0	18
3	121637	2	NGUYỄN TRẦN KHUÊ ANH	12/08/2005	Nữ	9/8	8.25	4	5.75	0	32
4	121650	2	VÕ HUY ANH	06/09/2005	Nam	9/8	7.25	4.25	3.75	0	26.25
5	121653	2	HOÀNG MINH ÁNH	28/12/2005	Nữ	9/8	8.5	7.5	8	0	40.5
6	121668	3	NGUYỄN BÌNH	11/12/2005	Nam	9/8	7.5	7.75	8.25	0	39.25
7	121675	3	CAO HỒNG ĐẠT	25/08/2005	Nam	9/8	7.75	8.25	7.25	1	39.25
8	121696	4	HUỖNH TRÍ DŨNG	05/05/2005	Nam	9/8	6.25	4	2.25	1	22
9	121703	5	TRẦN ANH DUY	12/09/2005	Nam	9/8	7.25	8	8	0	38.5
10	121737	6	LÊ QUANG HUY	19/07/2005	Nam	9/8	6.75	6.5	6.5	0	33
11	121774	7	NGUYỄN XUÂN KHOA	10/05/2005	Nam	9/8	7.25	5.5	4.75	0	29.5
12	121824	10	MAI NHẬT MINH	06/11/2005	Nam	9/8	7.25	7	5	0	31.5
13	121828	10	TRẦN QUỐC MINH	22/07/2005	Nam	9/8	7.5	8.75	8.75	0	41.25
14	121872	12	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	02/01/2005	Nữ	9/8	8.5	5.25	1.25	0	24.75
15	121888	12	VÕ BẢO NGUYÊN	07/09/2005	Nam	9/8	7.25	8.5	6.75	0	36.5
16	121947	15	HOÀNG THANH PHÚC	10/09/2005	Nam	9/8	7.75	6.75	8	0	38.25
17	121956	15	TRƯƠNG DUY HỮU PHÚC	21/08/2005	Nam	9/8	8	4.75	2.5	0	25.75
18	121965	15	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	12/05/2005	Nữ	9/8	6	7.75	3	0	25.75
19	121967	16	PHẠM NGUYỄN UYÊN PHƯƠNG	07/07/2005	Nữ	9/8	7.75	7.25	8.25	0	39.25
20	121976	16	TRƯƠNG THỤY QUÂN	06/10/2005	Nữ	9/8	6.5	6.25	5.25	0	29.75
21	121994	17	VƯƠNG CAO KHÁNH QUỲNH	27/01/2005	Nữ	9/8	8.5	7.5	8	0	40.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	122057	19	NGUYỄN NGỌC MINH THU	13/11/2005	Nữ	9/8	8.5	8.25	8	0	41.25
23	122073	20	LÊ NGUYỄN THỦY TIÊN	02/04/2005	Nữ	9/8	8.5	9.25	8.25	0	42.75
24	122086	20	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	22/03/2005	Nữ	9/8	7.75	3.75	6.5	0	32.25
25	122094	21	NGÔ NGUYỄN QUỲNH TRANG	17/01/2005	Nữ	9/8	8.25	8.5	6.5	0	38
26	122120	22	VÕ ĐOÀN MINH TRUNG	07/01/2005	Nam	9/8	6.25	1.5	1.5	0	17
27	122129	22	PHÙNG ANH TÚ	23/02/2005	Nam	9/8	6	5.25	3.5	0	24.25
28	122157	23	VÕ NGỌC THANH VÂN	08/11/2005	Nữ	9/8	8.25	7.5	6.75	0	37.5
Tổng cộng có tất cả: 28 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	121631	2	NGUYỄN HOÀI ANH	01/03/2005	Nữ	9/9	8.5	8	7.75	0	40.5
2	121646	2	TRẦN LÊ PHƯƠNG ANH	26/08/2005	Nữ	9/9	7.75	6.75	3.5	0	29.25
3	121710	5	NGUYỄN QUANG HẢI	05/08/2005	Nam	9/9	6	3.5	6	0	27.5
4	121714	5	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	21/05/2005	Nữ	9/9	7.25	4.75	4	0	27.25
5	121728	6	NGUYỄN CÔNG HOÀNG HƯNG	03/07/2005	Nam	9/9	7.5	7.5	8.25	0	39
6	121749	6	BÙI THỊ NGỌC HUYỀN	15/04/2005	Nữ	9/9	8.5	7.5	6.25	0	37
7	121755	7	TRẦN ĐÌNH KHẢI	28/11/2005	Nam	9/9	8	6.5	6.5	0	35.5
8	121764	7	TRƯƠNG GIA KHANG	09/01/2005	Nam	9/9	7.5	3.75	8.25	0	35.25
9	121785	8	BÙI ANH KIẾT	22/04/2005	Nam	9/9	8	8.75	8	0	40.75
10	121804	9	PHẠM ĐẠI TÙNG LÂM	03/11/2005	Nam	9/9	7	3.5	4	0	25.5
11	121822	9	ĐẶNG ĐỨC MINH	16/04/2005	Nam	9/9	5.75	5.25	4.25	0	25.25
12	121827	10	NGUYỄN TRẦN THIÊN MINH	22/08/2004	Nam	9/9	5.25	7	5	0	27.5
13	121858	11	PHẠM LIÊU GIA NGHI	06/05/2005	Nữ	9/9	8.75	4.75	4.25	1	31.75
14	121882	12	HOÀNG KHÔI NGUYỄN	28/10/2005	Nam	9/9	7	3.25	3	0	23.25
15	121887	12	PHẠM TRẦN PHƯƠNG NGUYỄN	14/05/2005	Nữ	9/9	7	4.75	4	0	26.75
16	121889	12	VÕ KHÔI NGUYỄN	17/11/2005	Nam	9/9	7.75	7.75	6.25	0	35.75
17	121891	12	NGUYỄN MINH NGUYỄN	01/03/2005	Nam	9/9	7.25	7.25	6.5	0	34.75
18	121918	13	PHẠM THẢO NHI	06/04/2005	Nữ	9/9	8	4.25	6.75	0	33.75
19	121920	14	TRẦN NGỌC BẢO NHI	11/10/2005	Nữ	9/9	6.75	6.25	6	0	31.75
20	121928	14	NGUYỄN TÂM NHƯ	02/03/2005	Nữ	9/9	8	5.75	6.5	0	34.75
21	121948	15	LÊ ĐĂNG PHÚC	25/06/2005	Nam	9/9	7.25	4.25	5.5	0	29.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	121952	15	NGUYỄN NHẬT HỒNG PHÚC	02/12/2005	Nữ	9/9	7.25	4.75	4.75	0	28.75
23	121966	15	NGUYỄN TRẦN ÁI PHƯƠNG	24/12/2005	Nữ	9/9	7.75	6.5	4.5	0	31
24	122037	18	NGUYỄN ANH THIÊN	03/05/2005	Nam	9/9	5	2.75	2.25	0	17.25
25	122038	18	PHAN NGUYỄN MẠNH THIÊN	04/02/2005	Nam	9/9	7.75	9	5.5	0	35.5
26	122052	19	NGUYỄN ĐÀO ANH THU	02/10/2005	Nữ	9/9	8.5	5.25	3	0	28.25
27	122065	20	ĐẶNG NGUYỄN MINH THUẬN	22/05/2005	Nam	9/9	7.5	4.5	5.25	0	30
28	122076	20	NGUYỄN NGỌC MỸ TIÊN	25/01/2005	Nữ	9/9	7	5	6.75	0	32.5
29	122080	20	NGUYỄN NAM TIẾN	24/08/2005	Nam	9/9	7.75	6.25	5.5	0	32.75
30	122089	21	LÊ HOÀNG BẢO TRÂN	20/07/2005	Nữ	9/9	7	5	4.75	0	28.5
31	122138	23	HOÀNG THANH TÙNG	28/10/2005	Nam	9/9	8.25	6.5	5.75	0	34.5
32	122144	23	TRẦN CAO BẠCH TUYẾT	24/07/2005	Nữ	9/9	8.5	6.75	6.75	0	37.25
33	122155	23	TRẦN QUÝ THANH VÂN	30/10/2005	Nữ	9/9	7.5	4.25	4.25	0	27.75
34	122165	24	PHAN NHẬT VINH	20/10/2005	Nam	9/9	8	7.5	4.75	0	33
35	122167	24	NGUYỄN MINH VŨ	03/06/2005	Nam	9/9	8	5	4.5	1.5	31.5
36	122172	24	CAO NGUYỄN PHƯƠNG VY	31/03/2005	Nữ	9/9	7.75	5.5	8.5	0	38
37	122177	24	LÊ HÀ VY	30/11/2005	Nữ	9/9	8.5	8.5	8	0	41.5
Tổng cộng có tất cả: 37 học sinh.											

